

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ năm 2025 khối xã (đợt 12)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Thông tư số 02/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu¹ và Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 1651/STC-QLNS ngày 31 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ năm 2025 khối xã (đợt 12), với tổng kinh phí là **383.855.293.376 đồng** (Chi tiết như phụ lục đính kèm). Nguồn kinh phí thực hiện:

1. Từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2025 là 346.205.818.488 đồng.
2. Từ nguồn cải cách tiền lương của cấp xã năm 2025 là 37.649.474.888 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Đắk Pek, Đắk Tờ Kan, Ngọc Bay, Ngọc Linh, Xốp, Kon Tum, Sa Thầy, Sa Bình, Ya Ly, Rờ Koi, Đắk Rve, Kon Plong, Đắk Mar, Đắk Ui, Đắk Kôi, Ngọc Réo, Măng Đen, Ba Tô, Sơn Thủy, Khánh Cường, Cẩm Thành, Trà Bồng, Đình Cương, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Lộ, Long Phụng, Cà Đam, Trà Giang, Ba Dinh, Sơn Hà, Nghĩa Hành, Ba Vì, Thanh Bồng, Đông Trà Bồng, Bình Minh, Sơn Tây Hạ, Phước Giang, Nghĩa Giang, Vệ Giang, Ba Vinh, Sơn Tây Thượng, Bình Chương, Đông Sơn, Đức Phổ, Sơn Hạ, Mỏ Cày, Thiện Tín, Trà Câu, Ba Động, Sơn Mai, Tây Trà Bồng, Lý Sơn, Tịnh Khê theo quy định tại Điều 1 Quyết định này, tổng hợp nhu cầu cải cách

¹ Đắk Pek (Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 31/8/2025), Đắk Tờ Kan (Công văn số 391/UBND-PKT ngày 28/8/2025), Ngọc Bay (các Tờ trình: số 31/TTr-UBND ngày 25/8/2025 và số 32/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Ngọc Linh (Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 29/8/2025), Xốp (Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 29/8/2025), phường Kon Tum (Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Sa Thầy (Công văn số 390/UBND-KTNS ngày 28/9/2025), Sa Bình (các Tờ trình số: 36/TTr-UBND ngày 27/8/2025 và số 39/TTr-UBND ngày 30/8/2025), Ya Ly (Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Ia Tơi (Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Rờ Koi (các Tờ trình: số 60/TTr-UBND ngày 27/8/2025 và số 63/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Đắk Rve (Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Kon Plong (Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 29/8/2025 và Công văn số 407/UBND-PKT ngày 31/8/2025), Đắk Mar (Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 29/8/2025), Đắk Ui (Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Đắk Kôi (Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 29/8/2025), Ngọc Réo (Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 29/8/2025), Măng Đen (các Tờ trình: số 51/TTr-UBND ngày 27/8/2025 và số 66/TTr-UBND ngày 29/8/2025), Ba Tô (Công văn số 321/UBND ngày 29/8/2025), Sơn Thủy (Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 29/8/2025), Khánh Cường (Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 28/8/2025), phường Cẩm Thành (các Tờ trình: số 33/TTr-UBND ngày 27/8/2025 và số 34/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Trà Bồng (Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Đình Cương (Công văn số 371/UBND ngày 27/8/2025), Tư Nghĩa (Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Mộ Đức (Công văn số 401/UBND-KT ngày 28/8/2025), phường Nghĩa Lộ (Công văn số 662/UBND-KT ngày 29/8/2025), Long Phụng (Công văn số 260/UBND ngày 28/8/2025), Cà Đam (Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Trà Giang (Công văn số 415/UBND ngày 28/8/2025), Ba Dinh (Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Sơn Hà (Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Nghĩa Hành (Công văn số 374/UBND-KT ngày 27/8/2025), Ba Vì (các Tờ trình: số 22/TTr-UBND ngày 26/8/2025 và số 23/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Thanh Bồng (các Tờ trình: số 29/TTr-UBND ngày 27/8/2025 và số 30/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Vạn Tường (các Tờ trình: số 34/TTr-UBND ngày 27/8/2025 và số 35/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Đông Trà Bồng (các Tờ trình: số 27/TTr-UBND ngày 27/08/2025 và số 28/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Bình Minh (Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Sơn Tây Hạ (Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Phước Giang (Công văn số 303/UBND-KT ngày 28/8/2025), Nghĩa Giang (Công văn số 483/UBND-VHXX ngày 31/8/2025), Vệ Giang (Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 27/8/2025), Ba Vinh (các Công văn: số 160/UBND-PVH ngày 25/8/2025 và số 186/UBND-PVH ngày 28/8/2025), Sơn Tây Thượng (Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 30/8/2025), Bình Chương (Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 31/8/2025), Đông Sơn (Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 29/8/2025), phường Đức Phổ (Công văn số 353/UBND-VHXX ngày 27/8/2025), Sơn Hạ (Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 29/8/2025), Mỏ Cày (Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 29/8/2025), Thiện Tín (Công văn số 327/UBND ngày 29/8/2025), phường Trà Câu (các Công văn: số 267/UBND ngày 26/8/2025 và số 286/UBND ngày 28/08/2025), Ba Động (Công văn số 335/UBND ngày 29/8/2025), Sơn Mai (các Tờ trình: số 31/TTr-UBND ngày 27/8/2025 và số 32/TTr-UBND ngày 28/8/2025), Tây Trà Bồng (Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 25/8/2025), đặc khu Lý Sơn (các Công văn: số 1031/UBND ngày 26/8/2025 và số 1121/UBND ngày 29/8/2025), Tịnh Khê (các Tờ trình: số 32/TTr-UBND ngày 26/8/2025 và số 34/TTr-UBND ngày 27/8/2025).

tiền lương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định (trừ kinh phí bổ sung cho UBND đặc khu Lý Sơn là 7.190.387.038 đồng).

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Ngọc Linh, Xốp, Ia Toi, Măng Đen, Tịnh Khê, Tây Trà Bồng, Sơn Tây Hạ, Vạn Tường, Cẩm Thành, Trà Giang sử dụng nguồn cải cách tiền lương của cấp xã để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổng hợp kinh phí chi trả vào nhu cầu cải cách tiền lương của cấp xã và chịu trách nhiệm về số liệu đề nghị thực hiện chính sách.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Đắk Pek, Đắk Tờ Kan, Ngọc Bay, Ngọc Linh, Xốp, Kon Tum, Sa Thầy, Sa Bình, Ya Ly, Rờ Koi, Đắk Rve, Kon Plong, Đắk Mar, Đắk Ui, Đắk Kôi, Ngọc Réo, Măng Đen, Ba Tô, Sơn Thủy, Khánh Cường, Cẩm Thành, Trà Bồng, Đình Cương, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Lộ, Long Phụng, Cà Đam, Trà Giang, Ba Dinh, Sơn Hà, Nghĩa Hành, Ba Vì, Thanh Bồng, Đông Trà Bồng, Bình Minh, Sơn Tây Hạ, Phước Giang, Nghĩa Giang, Vệ Giang, Ba Vinh, Sơn Tây Thượng, Bình Chương, Đông Sơn, Đức Phổ, Sơn Hạ, Mỏ Cày, Thiện Tín, Trà Câu, Ba Động, Sơn Mai, Tây Trà Bồng, Lý Sơn, Tịnh Khê sử dụng nguồn kinh phí được cấp để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về số liệu đề nghị thực hiện chính sách.

4. UBND đặc khu Lý Sơn chịu trách nhiệm hoàn trả nguồn cải cách tiền lương của tỉnh là 7.190.387.038 đồng trong năm 2026.

5. Kho bạc Nhà nước Khu vực XV có trách nhiệm kiểm soát chi, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Đắk Pek, Đắk Tờ Kan, Ngọc Bay, Ngọc Linh, Xốp, Sa Thầy, Sa Bình, Ya Ly, Rờ Koi, Đắk Rve, Kon Plong, Đắk Mar, Đắk Ui, Đắk Kôi, Ngọc Réo, Măng Đen, Ba Tô, Sơn Thủy, Khánh Cường, Trà Bồng, Đình Cương, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Long Phụng, Cà Đam, Trà Giang, Ba Dinh, Sơn Hà, Nghĩa Hành, Ba Vì, Thanh Bồng, Đông Trà Bồng, Bình Minh, Sơn Tây Hạ, Phước Giang, Nghĩa Giang, Vệ Giang, Ba Vinh, Sơn Tây Thượng, Bình Chương, Đông Sơn, Sơn Hạ, Mỏ Cày, Thiện Tín, Ba Động, Sơn Mai, Tây Trà Bồng, Tịnh Khê, Ia Toi, Vạn Tường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường: Kon Tum, Trà Câu, Đức Phổ, Cẩm Thành, Nghĩa Lộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (b/c);
- VPUB: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, NC_{TTTT.PKD}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Chữ ký)

Y Ngọc